

CÁC CHIẾN LƯỢC PHÊ PHÁN CỦA NGƯỜI ANH (QUA CỬ LIỆU TRUYỆN NGẮN ANH HIỆN ĐẠI)

LÊ THỊ THÚY HÀ *

Tóm tắt : Bài viết tìm hiểu các chiến lược người Anh sử dụng khi thực hiện hành động ngôn từ phê phán qua các đoạn thoại trích trong các tác phẩm truyện ngắn Anh hiện đại. Trên cơ sở các cứ liệu thống kê về cách thức sử dụng hành động ngôn từ phê phán, phân loại theo mức độ nghiêm trọng của vấn đề phê phán từ góc độ người nói, bài viết đã rút ra kết luận về cách thức sử dụng hành động ngôn từ phê phán của người Anh.

Từ khóa: Hành động ngôn ngữ; chiến lược phê phán; hành động trực tiếp; hành động gián tiếp; nhận diện; mã hóa; đích ngôn trung; hàm ý hội thoại; gián tiếp quy ước; gián tiếp phi quy ước.

1. Đặt vấn đề

Phê phán (PP) là hành động ngôn từ (HĐNT) thuộc nhóm các HĐNT khó thực hiện nhất vì nó có khả năng đe dọa thể diện cao đối với người bị PP và ngay cả với người PP (thể diện âm tính), mặc dù vậy trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta không thể tránh khỏi những lúc phải đưa ra các lời PP. Trong thực tế, các nghiên cứu về HĐNT xuất hiện rất nhiều trong những năm gần đây nhưng lại có rất ít các nghiên cứu về HĐNTPP đặc biệt là HĐNTPP trong các cuộc hội thoại diễn ra hàng ngày, trong những bối cảnh và tình huống tự nhiên đời thường. Các tác phẩm văn chủ yếu nghiên cứu HĐNTPP qua ngữ cảnh nhân tạo (phỏng vấn, trả lời câu hỏi điều tra, viết nhật kí...). Và như vậy các thể nghiệm có thể đã lựa chọn ngôn từ và chiến thuật phù hợp nhất trong các tình huống đã cho nhưng ngoài đời họ không sử dụng như vậy vì nhiều lí do và vì ảnh hưởng của các biến thể xã hội trong mỗi tình huống sinh động cụ thể khác

nhau. Tóm lại, chưa có nghiên cứu giao văn hoá nào tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ văn hóa, yếu tố xã hội, yếu tố tình huống trong tương tác tự nhiên của đời thường đối với HĐNTPP của người Anh. Do vậy, trong nghiên cứu này, chúng tôi tìm hiểu HĐNTPP trực diện (face- to- face) trong tình huống tự nhiên đời thường để thấy được trong thực tế người Anh PP như thế nào (đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa của HĐPP) và bước đầu là tìm hiểu hai nội dung sau:

(1) Nhận diện hành động ngôn từ PP trong hội thoại hàng ngày;

(2) Miêu tả các chiến lược được người Anh sử dụng để thực hiện HĐNTPP.

2. Phương pháp và tư liệu nghiên cứu

Bài viết sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp miêu tả và phân tích hội thoại. Tư liệu dùng để phân tích gồm 183 cuộc hội thoại có chứa các HĐNTPP trích từ các tác phẩm truyện

(*) NCS Khoa Ngôn ngữ học, Học viện Khoa học Xã hội.

ngắn Anh hiện đại của các tác giả nổi tiếng. Các HDPP này được phân tích, mã hóa và thống kê theo hai biến chủ yếu là (1) chiến lược và (2) cấu trúc ngữ nghĩa. Trước khi trình bày kết quả phân tích, chúng tôi muốn làm rõ một số vấn đề liên quan đến khái niệm PP, chiến lược, cấu trúc, cơ sở để nhận diện, mã hóa và thống kê tư liệu.

3. Một số khái niệm cơ bản

3.1. Hành động ngôn từ PP và nhận diện HDNTPP trong hội thoại

HDNTPP đã được định nghĩa và phân biệt với các HDNT gần nghĩa với nó như: phản nản, đổ lỗi, trách móc, buộc tội, lên án, tố cáo... trong các tác phẩm nghiên cứu về HDNT và HDNTPP của Karen Tracy & Eric Eisenberg; Karen Tracy, Donna Van Dusen, and Susan Robinson; Ruth Wajnryb; Nguyễn Thị Thuỷ Minh và Hoàng Thị Xuân Hoa... Tất cả đều có một điểm chung mà chúng tôi lấy điểm chung đó làm định nghĩa cho HDNTPP trong nghiên cứu của mình và thống nhất cho rằng: *Hành động phê phán là hành động có lực ngôn trung thể hiện sự đánh giá tiêu cực hoặc không ủng hộ của người nói đối với hành động, ứng xử, phẩm chất, hình thức... mà người nghe có thể hoặc phải chịu trách nhiệm. Hành động này, theo quan điểm của người nói, là để mong có sự thay đổi đối với hành động của người nghe, vì lợi của chính bản thân người nghe hoặc người khác hay cộng đồng hơn là vì lợi ích của người nói.* Định nghĩa này đồng thời cũng thể hiện luôn sự phân biệt HDNTPP với các HDNT gần nghĩa với nó đã nêu ở trên đó là: HD phản nản, đổ lỗi, trách móc, buộc tội, lên án, tố cáo... giống HDPP ở điểm đều cùng thể hiện sự đánh giá tiêu cực hoặc không ủng

hộ của người nói (S) đối với HD, ứng xử, phẩm chất, hình thức... mà người nghe (H) có thể hoặc phải chịu trách nhiệm, song khác nhau ở sắc thái, mức độ và hướng của HD. HDPP hạn hẹp hơn so với HD phản nản, trách móc, đổ lỗi ở chỗ HDPP hướng vào sự thay đổi đối với HD của người nghe nhằm làm người nghe tốt nên, vì lợi của chính bản thân người nghe hoặc người khác hay cộng đồng thay vì lợi ích của người nói, và có mức độ nghiêm trọng thấp hơn so với HD tố cáo, lên án, buộc tội. Trong các HD trên, xét ở bình diện sắc thái thì HDPP có sắc thái trang trọng hơn HD phản nản, đổ lỗi, trách móc nhưng lại kém trang trọng hơn HD tố cáo, lên án, buộc tội.

Trong bài viết này HDPP được dựa theo quan điểm như đã nêu ở trên và được nhận diện qua các tiền đề điều kiện thực hiện HDPP cần có dựa theo tiền đề của Wierzbicka, Olshtain và Weinbach sau: (1) H tỏ ra không bằng lòng, không ủng hộ đối với S; (2) H thực hiện hành động này là để mong có sự thay đổi đối với hành động của H, vì lợi của chính bản thân H hoặc người khác hay cộng đồng hơn là vì lợi ích của H. (3) hành động này của H là trực diện, diễn ra trong hội thoại hàng ngày. Như vậy, một câu PP sau: *Stephen is wrong. When a man like Stephen Powell decides to believe in ghosts, his mind must be sick (Stephen sai rồi. Khi một người như Stephen Powell mà tin vào ma thì đầu óc anh ta phải có vấn đề)* (không trực diện) hay *It is not particularly nice of you to give me a false name (Thật không hay khi anh đặt cho tôi cái tên giả)* (vì lợi ích của H) không được coi là HDPP trong nghiên cứu.

3.2. Các Chiến lược PP:

Một HĐPP có thể được biểu hiện bằng các dạng thức khác nhau về cú đoạn hoặc đích ngôn trung/ hệ hình - trực tiếp (TT)/gián tiếp (GT). Trong bài viết này, chúng tôi sẽ làm rõ sự khác biệt thứ hai này. Xét theo cách thể hiện đích ngôn trung có thể phân biệt hình thức PPTT: *You are wrong* (Cô làm vậy là sai rồi)/ *In my opinion, you are wrong*⁽¹⁾ (Theo tôi, cô làm vậy là sai rồi) hoặc GT: *It's obligatory to remove your shoes before entering my house*⁽²⁾ (Nhà tôi yêu cầu bỏ giày dép ở ngoài)/ *If I were you, I would think about it more carefully*⁽³⁾ (Nếu tôi là anh, tôi sẽ suy nghĩ kỹ hơn). Sự khác biệt HĐNT TT và GT được các nhà nghiên cứu về HĐNT đề xuất chủ yếu dựa trên khái niệm “hàm ý hội thoại” của Grice (1975). Theo họ một hành động ngôn trung được coi là TT nếu S hiển ngôn bộc lộ thái độ PP của mình và H có thể tri nhận nó TT từ phát ngôn mà không cần phải qua một quá trình suy ý nào cả. Ngược lại, một HĐPP được coi là GT nếu S có ý định che giấu ý định PP của mình dưới một hình thức ngôn trung khác mà để nhận thức được nó H phải thực hiện một sự suy luận. Như vậy, nếu nhìn từ phía S, mức độ TT/GT của một phát ngôn chính là độ dài của con đường đi từ đích ngôn trung đến dạng thức cú pháp. Còn nếu nhìn từ phía H mức độ TT/GT đồng biến với độ dài tương đối của con đường suy diễn mà H cần thực hiện để từ dạng thức cú pháp của câu nhằm đạt đến đích ngôn trung.

Nghiên cứu HĐPP và phân loại chúng theo mức độ TT/GT trong tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác đã được một số tác giả bàn đến như: Tracy, Dusen và Robinson (Tracy et al, 1987); Tracy và

Eissenberg (1990); Toplak và Katz (2000); Kummuel, Tokui, Hasegawa và Kodama (1999); Nwoye (1992); Vu và Napier (2000); Nguyen, T.T. Minh (2005); Hoàng Thị Xuân Hoa (2008). Qua các tài liệu tham khảo này và thực tế phân tích cứ liệu hội thoại chúng tôi cho rằng:

a) HĐNTTP trực tiếp: Một HĐPP được coi là TT nếu HĐPP được biểu hiện dưới dạng trần thuật (1) sử dụng động từ ngôn hành PP, phê bình: *I seriously criticize you for your unfair*⁽⁴⁾ (Tôi nghiêm khắc phê bình thái độ thiếu công bằng của đồng chí), (2) sự đánh giá tiêu cực, thái độ không đồng ý, không ủng hộ một cách công khai vấn đề cần PP: *I totally disagree with your unreasonable explanation*⁽⁵⁾ (Tôi hoàn toàn không đồng ý với câu giải thích vô lý của cậu); hoặc dưới dạng câu cảm thán: *You are so selfish*⁽⁶⁾ (Anh ích kỷ quá!) thể hiện thái độ, cảm xúc.

b) HĐNTTP gián tiếp (GT): Khác với lời PPTT, lời PPGT được thể hiện ở các dạng thức khác nhau: Câu trần thuật: *It is necessary to be more serious*⁽⁷⁾ (Cần phải nghiêm túc hơn nữa)/; Câu hỏi: *You will be quiet, won't you?*⁽⁸⁾ (Cháu sẽ giữ trật tự đúng không nào?)/ *Why don't you call me*

⁽¹⁾ Nguyễn Thành Viễn, *Những mẫu chuyện vui tiếng Anh*, Nxb. TP.Hồ Chí Minh.

⁽²⁾ Alison MacLeod, *The Will writer*, Modern English short stories, Oxford Express.

⁽³⁾ Charles Dicken, *Nicholas Nickleby*, Oxford University Press.

⁽⁴⁾ Đoàn Minh- Chu Xuân Nguyên, *Truyện tiểu lâm Anh*, Nxb. Thanh Hóa

⁽⁵⁾ Erich Segal, *Love story*, Học dịch tiếng Anh Love story- Nxb. Thanh niên 1995.

⁽⁶⁾ Perry Sailor, *Understanding*, 20 truyện ngắn chọn lọc, Nxb. TP. Hồ Chí Minh.

⁽⁷⁾ George Eliot, *Silas Marner*, Học dịch tiếng Anh – Nxb. Thanh niên 1995.

⁽⁸⁾ George Eliot, *Silas Marner*, Học dịch tiếng Anh – Nxb. Thanh niên 1995.

more often⁽⁹⁾ (Sao không chịu gọi cho mẹ thường xuyên hơn); Câu cảm thán: *How kindly to your own child!*⁽¹⁰⁾ (Tử tế với con quá ha!); Câu cầu khiến: *Let hand it this way, not that way.*⁽¹¹⁾ (Hãy cầm như thế này, đừng cầm như thế) / *Don't take such a risk.*⁽¹²⁾ (Đừng tạo nguy hiểm thế). Và ở các mức độ GT khác nhau ta có các hình thức GT khác nhau.

* **Gián tiếp theo qui ước (QU):** HDPP không biểu hiện TT mà được suy ra gián tiếp nhờ tính qui ước của phương tiện biểu hiện. Các phương tiện qui ước được dùng để đánh dấu hành vi GT ở đây thường là các câu thuyết giáo (giải thích, sửa chữa, chỉnh sửa, chỉ ra qui tắc, chuẩn mực): *Men are supposed to be kind to women!*⁽¹³⁾ (Đàn ông được mong đợi tử tế với phụ nữ); Khuyến/gợi ý/đề nghị/yêu cầu thay đổi hoặc chỉnh sửa: *I advise you to have no doubt about that*⁽¹⁴⁾. (Tôi khuyên anh đừng nghi ngờ điều đó nữa); Câu hỏi tu từ: *Why did you do this terrible thing to your own child?*⁽¹⁵⁾ (Sao cậu lại làm điều kinh khủng đó với con của chính mình); Mỉa mai/ châm biếm: *What kind of story you are telling?*⁽¹⁶⁾ (Cậu đang kể chuyện gì thế?); Tiền giả định: *I wish You wouldn't do that.*⁽¹⁷⁾ (Tôi ước cậu đã không làm thế).

* **Gián tiếp phi qui ước (PQU):** HDPP không được biểu hiện TT hoặc suy ra nhờ tính qui ước của các phương tiện biểu hiện mà được suy ra GT từ sự suy tưởng qui chiếu giữa sự vật, đặc trưng hay HD được nói đến với ý định PP nhờ sự gợi ý của tình huống giao tiếp: *A teacher talked to a dull pupil: "When I was your age I could answer any question in arithmetics". "Yes", said the child "but you forrget that you had diferent teacher*

from the one I have"⁽¹⁸⁾ (Giáo viên nói với một học sinh kém: Khi cô ở độ tuổi của em, cô giải được hết các bài đại số. "Vâng"-cậu bé nói: Nhưng cô quên mất rằng cô đã học cô giáo khác cô giáo của em). Nếu không trong hoàn cảnh giáo viên nói với một học sinh dốt và không nghe được câu trả lời của cậu học sinh thì người nghe không thể biết đây là một câu PP: *sao em học dốt thế* hay *cô dạy không tốt nên em mới dốt vậy*.

Tuy nhiên, HDPP là một HĐNT phức tạp đặc biệt khi được xét trong hội thoại đời thường. Khác với các nghiên cứu trước đây về HDPP (chủ yếu là các tình huống giả định và cho sẵn) thể nghiệm có thể lựa chọn câu từ PP một cách cân nhắc và theo mục đích của nghiên cứu, HDPP trích từ các câu truyện tự nhiên và rất gần hay phản ánh cuộc sống đời thường nên sinh động và phức tạp. Do đó, việc phân tích và phân loại không chỉ dựa vào cấu trúc ngữ nghĩa và đích ngôn trung hay hệ hình TT/GT mà còn phải xét ở lực ngôn trung hay thái độ, giọng điệu, quan điểm của S trong cả đoạn thoại có chứa phát ngôn PP.

⁽⁹⁾ O. Henry, *New Yorker short stories stage 2*, Oxford University Press.

⁽¹⁰⁾ Sir Arthur Conan Doyle, *Sherlock Holmes*, Tủ sách truyện song ngữ Anh Việt, Nxb. Trẻ -1994.

⁽¹¹⁾ J.M. Barrie, *Peter Pan*, Oxford University Press.

⁽¹²⁾ John Bell Clayton, *The white cirle*, 20 truyện ngắn chọn lọc, Nxb. TP.HCM.

⁽¹³⁾ Arthur B. Waltermire, *The doors of Death*, Học tiếng Anh qua tác phẩm văn học - Nxb. Lao động.

⁽¹⁴⁾ Charles Dicken, *Nicholas Nickleby*, Oxford University Press.

⁽¹⁵⁾ Arthur B. Waltermire, *The doors of Death*, Học tiếng Anh qua tác phẩm văn học - Nxb. Lao động.

⁽¹⁶⁾ Đoàn Minh - Chu Xuân Nguyên, *Truyện tiểu lâm Anh*, Nxb. Thanh Hóa.

⁽¹⁷⁾ George Eliot, *Silas Marner*, Học dịch tiếng Anh - Nxb. Thanh niên 1995.

⁽¹⁸⁾ Sir Arthur Conan Doyle, *Sherlock Holmes*, Tủ sách truyện song ngữ Anh Việt, Nxb. Trẻ -1994.

Căn cứ vào thái độ, giọng điệu, quan điểm của S chúng tôi còn phân biệt HĐPP ở các mức độ nghiêm trọng khác nhau đứng trên quan điểm của S. Theo đó, thứ tự thể hiện của HĐPP có thể là một hành vi: khuyên, thuyết giáo, phân nân, chê, trách, mắng/chì triết, mỉa mai, cấm đoán/đe nạt, chửi. Như vậy, HĐPP trong bài viết được phân loại theo ba chiến lược cơ bản TT, QU, PQU và phân tích theo sự biểu hiện dưới dạng cấu trúc ngữ nghĩa của hành vi trần thuyết, hỏi, cảm thán, cầu khiến và mức độ nghiêm trọng của vấn đề cần PP nhìn từ góc độ S trong cả đoạn thoại có chứa phát ngôn PP: Khuyên: Dùng các cấu trúc như: *You have to.../You must.../You need.../It's necessary.../ ...won't you / ...will you / why don't you... ..đừng... ..cần/nên/ phải... ..có phải hơn không, sao/chẳng lẽ/tại sao..* lấy ví dụ: *Pay more attention of what to say to him, why don't you? (Sao cậu không quan tâm vào việc sẽ nói với anh ta điều gì nhỉ);* Thuyết giáo: Lên lớp cho ai đó cách thức, phương pháp... ví dụ như: *That's what I want to show you," their father said. "Like the seven sticks, you are strong when you are united, when they do not stand together and act together, you are no stronger than each of these sticks alone..."*⁽¹⁹⁾ (Ông bố nói với các con “đó chính là điều bố muốn nói cho các con, giống như 7 cái que, khi đoàn kết các con rất mạnh, còn khi đứng một mình, hành động riêng lẻ, các con không còn mạnh giong như những cái que đứng riêng lẻ); Phán nân: Teacher (looking at pupil's notebook): *I don't understand how one person can make so many mistakes.*⁽²⁰⁾ (Tôi không hiểu sao lại có người mắc nhiều lỗi đến vậy); Chê: *You look like from the hell*⁽²¹⁾ (Trông cậu cứ như từ địa ngục trở

về ấy); Trách: *He's very unhappy, Oliver! Can you sit there and let your father bleed?*⁽²²⁾ (Cha cậu rất buồn. Oliver! Không lẽ anh cứ ngồi đây và để cho cha mình rỉ máu?); Mắng: *What disobedient children!" cried the old man*⁽²³⁾ (Mày đúng là đứa trẻ không biết nghe lời, ông cụ nói); Mỉa mai: *How kindly to your own child*⁽²⁴⁾ (Tử tế với con quá ha!); Cấm đoán/ đe nạt: *Don't talk that way.*⁽²⁵⁾ (Đừng có ăn nói kiểu đó); Chửi: *said Ralph, angrily. "I know you of old. You're a thief and wretch!"*⁽²⁶⁾ (Ralph nói một cách bức tức: Tao biết mày quá mà. Mày là thằng ăn cắp, một kẻ tồi tệ). Các kết quả phân tích và phân loại này sẽ làm cơ sở cho chúng tôi mã hóa mức độ GT cũng như cách thức biểu hiện của HĐPP để tìm hiểu đặc trưng lời PP của người Anh và sau này đối chiếu với mức độ lịch sự của chúng.

4. Kết quả khảo sát

Kết quả thống kê được trình bày trong bảng 1. Cột ngang là số lượng và phần trăm các câu PP đã được mã hóa và thống kê theo ba kiểu câu PP (TT, QU, PQU). Cột dọc là số lượng và phần trăm các câu PP đã được mã hóa và thống kê theo cấu trúc của bốn kiểu câu: câu trần thuyết, câu hỏi, câu cảm thán, câu cầu khiến.

⁽¹⁹⁾ Sir Arthur Conan Doyle, *Sherlock Holmes*, Tủ sách truyện song ngữ Anh Việt, Nxb. Trẻ - 1994.

⁽²⁰⁾ Sir Arthur Conan Doyle, *Sherlock Holmes*, Tủ sách truyện song ngữ Anh Việt, Nxb. Trẻ - 1994.

⁽²¹⁾ Perry Sailor, *Understanding*, 20 truyện ngắn chọn lọc, Nxb. TP. Hồ Chí Minh.

⁽²²⁾ Alison MacLeod, *The Will writer*, Modern English short stories, Oxford Express.

⁽²³⁾ Alison MacLeod, *The Will writer*, Modern English short stories, Oxford Express.

⁽²⁴⁾ Alison MacLeod, *The Will writer*, Modern English short stories, Oxford Express.

⁽²⁵⁾ O. Henry, *New Yorker short stories stage 2*, Oxford University Press

⁽²⁶⁾ Perry Sailor, *Understanding*, 20 truyện ngắn chọn lọc, Nxb. TP. Hồ Chí Minh.

Bảng 1: Tần số các câu PP có cấu trúc khác nhau

Cấu trúc	TT		QU		PQU		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Câu trần thuyết (TT)	44	75.9	21	28.8	27	51.9	92	50.3
Câu hỏi (H)	0	0	25	34.2	21	40.4	47	25.7
Câu cảm thán (CT)	14	24.1	12	16.4	3	5.8	28	15.3
Câu cầu khiến (CK)	0	0	15	20.6	1	1.9	16	8.7
Tổng	58	100/31.7	73	100/39.9	52	100/28.4	183	100

Như đã thấy trên bảng số kê, người Anh xét trong bối cảnh ngôn ngữ tự nhiên đòi thường sử dụng cách PP GT nhiều nhất (39.9 %), tiếp đến là cách nói thẳng, TT (31.7%) và ít nhất là cách nói PQU- cách nói yêu cầu người nghe phải bỏ nhiều công suy diễn (28.4%). Tuy nhiên, các con số này chênh lệch nhau không nhiều, nhưng xét rộng hơn chỉ ở khía cạnh TT/GT ta có thể thấy rõ ràng rằng, người Anh chủ yếu sử dụng cách phát ngôn GT khi phải đưa ra lời PP ai đó (68.3% vs 31.7%)

Bảng 2: Chiến lược PP của người Việt và người Anh

Tiếng	Trực tiếp	Gián tiếp	
		QU	PQU
Việt	26	56.7	17.3
Anh	31.7	39.9	28.4

So với người Việt trong bối cảnh ngôn ngữ tương tự có thể thấy, người Anh sử dụng chiến thuật PP TT nhiều hơn nhưng người Việt lại dùng lối nói QU cần ít suy diễn hơn người Anh rất nhiều (56.7% vs 39.9%). Có thể nói rằng người Anh thẳng thắn hơn khi PP nhưng khi đã nói bóng gió thì mức độ đòi hỏi người bị PP phải suy nghĩ, phải suy diễn lại cao hơn nhiều. Cùng một hoàn cảnh PP người kia nói đối người Anh nói *That's a lie!*⁽²⁷⁾ (đó là lời nói dối), người Việt lại nói: *Đẹp cái mặt. Còn chối tao cắt lưỡi!*⁽²⁸⁾ Hay đổ lỗi cho ai đó người Anh nói *Tim was afraid*, *Susan said. "He couldn't sleep, and so we came to*

call Cathy." (Tim lo sợ, cậu ấy không cả ngủ được nên chúng tôi gọi cho Cathy) trong khi người Việt: *Phận con đã vậy, đừng để khổ lây cho người khác*⁽²⁹⁾. Tuy nhiên, điều này còn phụ thuộc vào hoàn cảnh giao tiếp.

Xét về mặt cấu trúc, HĐNTPP theo sự phân loại của Searle và Astin thuộc nhóm biểu hiện và ứng xử nên được sử dụng ở cấu trúc của câu trần thuyết và câu cảm thán. Mặc dù vậy, trong thực tế nó được biểu hiện qua cả bốn loại câu khi dùng kiểu QU và PQU. Chính vì vậy, ở chiến lược TT chỉ xuất hiện hai loại cấu trúc chính đó là cấu trúc của câu trần thuật (75.9) và câu cảm thán (24.1). Trong khi đó, ở loại chiến lược GT lại xuất hiện cả bốn loại cấu trúc câu. Trong đó, câu tường thuật giảm đi còn 28.8 % ở câu QU và còn 51.9 % ở câu PQU, câu cảm thán còn 34.2% ở câu QU và còn 5.8% ở câu PQU ngược lại loại cấu trúc câu hỏi xuất hiện và tăng lên từ 34.2% ở câu QU thành 40.4% ở câu PQU; loại câu cảm thán lại xuất hiện nhiều ở câu QU (20.6%) và ít hơn rất nhiều ở câu PQU (1.9%). Tổng tất cả các chiến lược xếp theo mức độ sử dụng tăng dần các kiểu cấu trúc câu ta có:

CK < CT < H < TT.

⁽²⁷⁾ Stories for reproduction 1, Nxb. Thế giới L.A.Hill.

⁽²⁸⁾ Sương nguyệt Minh. *Đôi con gái*. Truyện ngắn hay 2010 - Nxb. Thời Đại

⁽²⁹⁾ Sương nguyệt Minh. *Đôi con gái*. Truyện ngắn hay 2010 - Nxb. Thời Đại.

Bảng 3: Phân loại theo mức độ nghiêm trọng của vấn đề PP từ góc độ người nói.

Các phát ngôn PP có hiệu lực ở lời như một lời:	TT		QU		PQU		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Khuyên (khuyên ngăn, khuyên bảo, khuyên nhủ, khuyên dẫn, can ngăn,...) (K)	1	1.7	6	8.2	2	3.9	9	4.9
2. Thuyết giáo (giải thích, giảng giải, thuyết phục, phân tích, lên lớp...) (TG)	0	0	0	0	2	3.9	2	1.1
3. Phàn nàn (phàn nàn, cầu nhàu, than vãn, than thân trách phận, kêu ca...) (PN)	1	1.7	2	2.7	1	1.9	4	2.2
4. Chê (chê bai, chê trách, dè bêu...) (CH)	16	27.6	4	5.5	5	9.6	25	13.7
5. Trách (trách hờn, trách khéo, trách cứ, trách móc, trách mắng, khiển trách,...) (TR)	18	31.0	28	38.4	15	28.8	61	33.3
6. Mắng (mắng mỏ, mắng chửi, quát mắng...) (M)	19	32.8	19	26.0	17	32.7	55	30.0
7. Mỉa mai (mỉa mai, giễu cợt, chế giễu, dả kích...) (MM)	0	0	2	2.7	6	11.5	8	4.4
8. Cấm đoán (yêu cầu, thách thức, ra lệnh, cấm đoán, đe nẹt, dọa nạt, dọa dẫm...) (CĐ)	1	1.7	10	13.8	4	7.7	15	8.2
9. Chửi (chửi mắng, chửi bới, chửi rửa, chửi đồng...) (C)	2	3.5	2	2.7	0	0	4	2.2
Tổng	58	100	73	100	52	100	183	100

Xét trong cả đoạn thoại có chứa phát ngôn PP chúng tôi nhận thấy một việc hết sức rõ ràng (mà không thể có trong các nghiên cứu về các tình huống PP cho sẵn trước đây) là sự bộc lộ thái độ của H và S qua đó H nhận thấy mức độ nghiêm trọng của lỗi mà H gây ra hoặc phải chịu trách nhiệm theo quan điểm của S. Bảng 3 cho thấy theo đặc trưng của từng kiểu PP ở kiểu TT vắng mặt cấp mỉa mai, thuyết giáo, QU vắng mặt cấp thuyết giáo, PQU vắng mặt cấp chửi. Tần xuất sử dụng từ thấp đến cao được thể hiện như sau:

TT: K = PN = CĐ < C < CH < TR < M (TG, MM = 0)

QU: PN = MM = C < CH < K < CĐ < M < TR (TG = 0)

PQU: PN < K = TG < CĐ < C < MM < TR < M (C = 0)

#: TG < PN = C < MM < K < CĐ < CH < M < TR.

Ta thấy tiểu loại câu có hiệu lực như một lời trách (ở mức nghiêm trọng trung bình) được sử dụng nhiều nhất và ở tất cả các kiểu câu tiếp đến là mắng và chê (ở mức nghiêm trọng liền kề trước và sau

mức trung bình). Vậy cách sử dụng các kiểu câu PP TT/GT, kiểu cấu trúc và cách thể hiện theo mức độ nghiêm trọng của lỗi xét từ phía S có mối quan hệ gì với lịch sử và biểu hiện đặc trưng gì của người Anh?

5. Thảo luận

Như vậy, cách nhận diện HĐNTTP trong hội thoại trực tiếp đơn giản như trong các tình huống cho sẵn. Trong hội thoại sự việc có vẻ phức tạp hơn rất nhiều mặc dù vẫn được thể hiện dưới các dạng TT/GT xét theo lực ngôn trung nhưng các kiểu cấu trúc không chỉ dừng lại ở dạng câu trần thuật và cảm thán mà ẩn nấp sau cả bốn kiểu cấu trúc điều này làm cho việc nhận diện trở nên khó khăn vì trong nhiều trường hợp vắng mặt các dấu hiệu của một lời PP. Trong các tình huống đó việc nhận diện phụ thuộc nhiều vào ngữ cảnh, thái độ, giọng điệu, quan điểm của cả S và H. Số liệu phân tích phần trên cho thấy tần số xuất hiện của các câu PP: TT: 31,8%; QU: 39,7%; PQU: 28,4% như vậy sự lựa chọn cách biểu hiện là tương đối đồng đều ở cả ba loại nhưng kiểu câu QU vẫn chiếm tỉ lệ cao nhất.

Nếu xét theo mức độ GT tăng dần thì ta sẽ có: TT < QU < PQU. Xét theo mức độ nghiêm trọng của lỗi từ phía H tăng dần ta có: K → TG → PN → CH → TR → M → MM → CD → C và người Anh lựa chọn HĐ trách với tần số cao nhất (33,3%) hai lựa chọn tiếp theo là mắng (30,0%) và chê (13,7%) liền kề trước và sau HĐ trách có mức độ trung bình. Cách lựa chọn hình thức cấu trúc tần số cao nhất là trần thuật và câu hỏi. So với các loại cấu trúc câu còn lại thì câu trần thuật, câu hỏi trong HĐPP là loại câu có để ngỏ sự lựa chọn cho H, mức áp đặt thấp và ít thể hiện quan điểm chủ quan so với kiểu câu cảm thán (tính chủ

quan cao) và câu cầu khiến (tính áp đặt cao). Đặc biệt trong cách nói QU, chúng tôi còn nhận thấy có một số lượng đáng lưu ý đó là so với người Việt người Anh chúng tôi không nhận thấy sự xuất hiện cách nó dân gian dùng tục ngữ, thành ngữ trong lời PP. Có thể thấy rằng, người Anh thẳng thắn hơn người Việt khi đưa ra HĐPP nhưng ngược lại chúng ta cũng thấy rõ ràng họ cũng sử dụng các loại câu trung tính thể hiện mức độ nghiêm trọng trung bình như kiểu câu trách, mắng, chê hơn là các kiểu câu chửi, cấm đoán, đe nẹt hay mỉa mai. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng trong chiến lược GT mà người Anh sử dụng, loại chiến lược PQU được sử dụng nhiều tương đương với hai loại chiến lược còn lại. Chiến lược PQU là loại chiến lược đòi hỏi người nghe phải suy diễn nhiều và phụ thuộc nhiều vào hoàn cảnh giao tiếp. Có thể nói rằng với cách này các câu PP được đưa ra phong phú, đa dạng, trong mỗi hoàn cảnh hết sức cụ thể, đối với mỗi cá nhân cụ thể người Anh có cách nói riêng, có cách nói phù hợp, không có nhiều cách dùng chung cho nhiều hoặc tất cả các trường hợp. Như vậy, dấu ấn cá thể, cá nhân thể hiện rất lớn trong giao tiếp. Có lẽ (1) đây là đặc điểm chung của người phương Tây nói chung và của người Anh nói riêng tôn trọng lối ứng xử mang dấu ấn cá nhân, sự thể hiện khéo léo, cá tính của cá nhân trong giao tiếp hội thoại hàng ngày; (2) HĐNTTP là HĐ đòi hỏi phải có sự khéo léo vì nó dễ gây ra sự tổn hại đến thể diện của S và H; (3) do sự trùng hợp ngẫu nhiên của quá trình chọn mẫu. Và cách lựa chọn như vậy có quan hệ gì với tính lịch sử trong giao tiếp? Mối quan hệ GT và lịch sử trong HĐPP của người Anh chịu sự chi phối của nguyên tắc phổ niệm

(lịch sự đồng biến với mức GT của phát ngôn hay GT có chức năng biểu hiện lịch sự) hay văn hóa hay kết hợp cả hai? Để đi đến được một kết luận có cơ sở vững chắc cần có những nghiên cứu sâu hơn trong đó cần xét các nhân tố như khoảng cách, quyền lực, tuổi tác, nghề nghiệp, tình huống ảnh hưởng tới HDPP.

6. Kết luận

Qua số liệu phân tích về chất và về lượng bước đầu cho thấy, trong tình huống đòi thường người Anh thể hiện HDPP hết sức phong phú không chỉ dừng lại ở kiểu kiến trúc câu PP thông thường là một phát ngôn trần thuyết hay cảm thán mà cả ở dạng câu hỏi, câu cầu khiến (vốn không phải là cách để thể hiện một thái độ, một cách cư xử hay lựa chọn của người khác) qua cả hai kiểu TT và GT, đặc biệt là lối nói PQƯ, cách nói thể hiện đặc trưng hoàn cảnh giao tiếp cũng như dấu ấn cá nhân trong giao tiếp rất lớn. Việc thực hiện lời PP hết sức phong phú này còn thể hiện ở việc H còn nhận thấy được mức độ nghiêm trọng của lỗi mình gây ra hoặc phải chịu trách nhiệm qua lực ở lời của các phát ngôn như một lời khuyên, thuyết giáo, phân nân, chê, trách, mắng, mỉa mai, chửi của S. Qua phân tích chúng tôi nhận thấy người Anh ưa dùng cách nói GT khi đưa ra HDPP nhưng một điều đặc biệt họ dùng cách nói PQƯ nhiều tương đương với cách nói QU và cách nói TT - điều này khác với cách của người Việt nhưng dùng cấu trúc của phát ngôn trần thuyết và phát ngôn hỏi dưới mức độ trung tính của một lời trách, mắng hoặc chê như của người Việt trong nghiên cứu của chúng tôi. Tuy nhiên, nghiên cứu mới chỉ góp phần vào việc nhận diện HDPP trong các tình huống đòi thường và phát hiện cách thức

mà người Anh thể hiện lời PP. Ở các nghiên cứu tiếp theo chúng tôi sẽ đi sâu hơn nữa vào việc tìm ra các nhân tố xã hội ảnh hưởng đến việc lựa chọn chiến lược PP và nghiên cứu biểu hiện về tính lịch sự trong tiếng Anh dựa trên các dữ liệu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Austin, J. L. (1962). *How to Do Things with Words*. Oxford: OUP.
2. Bach, R., and Harnish, R. M. (1979). *Linguistic Communication and Speech Acts*. Cambridge: The MIT Press.
3. Blum-Kulka, S. (1987). *Indirectness and politeness in requests: Same or different?* Journal of Pragmatics 11, 131-146.
4. Geis, M. (1998). *Speech Acts and Conversational Interaction*. Cambridge: CUP.
5. Hoang Thi Xuan Hoa (2008). *The speech act of criticizing by the Vietnamese and the Anglo- American: A cross- culture study*. Ph.D Dissertation. VNU-CFL.
6. Nguyen Thi Thuy Minh (2005). *Criticizing and Responding to Criticism In A Foreign Language: A study of Vietnamese Learners of English*. PhD Thesis. The University of Auckland.
7. Searle, J. (1969). *Speech Acts*. Cambridge: CUP.
8. Searle, J. (1975). *Indirect speech acts*. In P. Cole & J. Morgan (Eds), *Syntax and semantics. Vol. 3: Speech Acts*. New York: Academic Press.
9. Tracy, K., & Eisenberg, E. (1990). *Giving criticisms: a multiple goal case study. Research on Language and Social Interaction* 24, 37-70.
10. Tracy, K., Van Dusen, D., & Robinson, S. (1987). *Good and bad criticism: a Descriptive analysis. Journal of Communication* 37, 46-59.